

Bản án: 198/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 5 - 9 - 2018

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 5 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 745/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2018/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Q, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp Y, xã P, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 02/7/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị T trình bày: Chị T và anh Q chung sống với nhau vào năm 2009 đến năm 2010 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hợp nhau nên ly thân từ tháng 01/2016 đến nay. Nay chị T xét thấy tình nghĩa vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên H, sinh ngày 23/6/2012 và L, sinh ngày 8/02/2014 hiện chị T đang nuôi. Khi ly hôn, chị T xin được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa mỗi tháng

1.000.000đ. Tại phiên Tòa ngày hôm nay, chị T xin thay đổi về phần cấp dưỡng nuôi con “Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung”.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của anh Q: Anh Q xác nhận lời trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh Q và chị T theo chị T trình bày là đúng. Nay chị T xin ly hôn, anh Q không đồng ý vì còn thương vợ thương con.

Về con chung: Có 02 con chung tên H, sinh ngày 23/6/2012 và L, sinh ngày 8/02/2014 hiện chị T đang nuôi. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh Q xin được quyền nuôi con chung tên Cẩm Hân và đồng ý giao con chung tên Minh Luân cho chị T tiếp tục nuôi. Không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả tranh tụng tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, bị đơn anh Q có hộ khẩu thường trú tại ấp Y, xã P, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[1.2] Tại phiên Tòa ngày hôm nay, chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện “Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con”. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị T tại phiên tòa ngày hôm nay là phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q chung sống với nhau vào năm 2009 đến năm 2010 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T và anh Q chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hợp nhau dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được nên ly thân từ tháng 01/2016 đến nay. Tại phiên tòa, chị T tha thiết xin được ly hôn với anh Q. Ngược lại, anh Q không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn nào được chị T chấp nhận. Mặt khác, tại phiên tòa ngày hôm nay thì chị T và anh Q thống nhất khai đã ly thân từ tháng 01/2016 đến nay nhưng không có biện pháp nào hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh Q đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng

không thể kéo dài. Vì vậy, chị T yêu cầu được xin ly hôn với anh Q là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Q thống nhất khai, vợ chồng chung sống có 02 con chung tên H, sinh ngày 23/6/2012 và L, sinh ngày 8/02/2014 hiện chị T đang nuôi. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì cả chị T và anh Q đều xin được quyền nuôi con chung. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị T và anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu tranh chấp nuôi con. Chị T xin được quyền tiếp tục nuôi 02 con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng con chung của chị T còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, chị T làm công nhân có thu nhập hàng tháng ổn định và chị có chỗ ở ổn định tại nhà cha mẹ ruột. Mặt khác, chị T đang trực tiếp nuôi con chung kể từ khi chị T và anh Q ly thân đến nay. Anh Q anh Q xin được quyền nuôi con chung tên Cẩm Hân và đồng ý giao con chung tên Minh Luân cho chị T tiếp tục nuôi. Không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con vì anh Q cho rằng con cần có cha chăm sóc và anh có công việc thu nhập ổn định. Xét thấy, các cháu H, sinh ngày 23/6/2012 và L, sinh ngày 8/02/2014 đã sống với chị T từ tháng 01/2016 vẫn phát triển bình thường. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con cho chị T như hiện nay nên cần tiếp tục giao cháu H, sinh ngày 23/6/2012 và L, sinh ngày 8/02/2014 cho chị T tiếp tục nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra, chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh Q thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị T và anh Q thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn với anh Q.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị T được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên H, sinh ngày 23/6/2012 và L, sinh ngày 8/02/2014 hiện chị T đang nuôi. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, chị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và anh Q có quyền xin thay đổi quyền nuôi con.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sung sơ thẩm công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 2745 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã H
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp